TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 424/2024/DS-ST
Ngày: 23-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Hồng.

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Ông Phạm Thanh An, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 149/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Thông báo về việc dời phiên tòa số: 55/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Võ Thị Hồng N, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Kim P, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Quách Thị Ngọc H, sinh năm 1976.
Đặng Văn Thành X, sinh năm 1970.
Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P xin vắng mặt; bà H có mặt, ông X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N là chị Trần Thị Kim P trình bày:

Bà N với vợ chồng ông Đặng Văn Thành X và bà Quách Thị Ngọc H quen biết nhau.

Bà N có cho vợ chồng ông Đặng Văn Thành X và bà Quách Thị Ngọc H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 06/6/2023 cho vay số tiền 13.000.000đ;

- Ngày 09/5/2023, cho vay số tiền 10.000.000đ;

- Ngày 18/5/2023, cho vay số tiền 20.000.000đ;

- Ngày 21/5/2023, cho vay số tiền 10.000.000đ;

- Ngày 18/6/2023, cho vay số tiền 10.000.000đ;

- Ngày 21/6/2023, cho vay số tiền 20.000.000đ;

- Ngày 04/7/2023, cho vay số tiền 5.000.000đ;

- Ngày 17/7/2023, cho vay số tiền 5.000.000đ;

Tổng cộng số tiền cho vay là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng).

Có lập giấy vay tiền do chính bà Quách Thị Ngọc H ký tên. Hẹn trả vào ngày 01/8/2023. Mặc dù ông X không ký tên vào biên nhận nhưng việc bà H vay tiền của bà N là để trang trải công việc làm ăn để phục vụ cho kinh tế chung của gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng thì vợ chồng ông Đặng Văn Thành X và bà Quách Thị Ngọc H không trả vốn cho bà N, vẫn còn nợ tiền 93.000.000 đồng, đã ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà N.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đặng Văn Thành X và bà Quách Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền vốn vay là 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng), yêu cầu trả lãi 0.83% /tháng, tính từ ngày 01/8/2023 cho đến khi xét xử (tạm tính đến ngày 01/5/2024 là 9 tháng, thành tiền là 6.947.000 đồng). Thực hiện ngay khi án có hiệu lực.

Tại biên bản hòa giải bị đơn bà Quách Thị Ngọc H trình bày:

Bà có vay của bà Võ Thị Hồng N số tiền 93.000.000 đồng vào năm 2023 làm nhiều lần, lãi suất 10%/tháng, bà đã đóng lãi đầu đủ cho bà N lãi suất 10%/tháng của số tiền 93.000.000 đồng tới tháng 7/2023 âm lịch rồi do không tiền nên xin trả vốn và ngưng không trả lãi nữa. Biên nhận bà N cung cấp là chữ ký tên của bà sau khi bà và bà N đã chốt số nợ 93.000.000 đồng.

Khi bà vay tiền của bà N là do bà đứng ra mượn dùm cho hàng xóm nhưng họ mần ăn thất bại nên không trả tiền cho bà nên bà mới nợ tiền bà N. Khi bà vay tiền của bà N thì chồng bà là ông Đặng Văn Thành X không biết chỉ sau khi bà

không có tiền đóng lãi cho bà N nữa rồi bà N lên nhà bà đòi tiền thì ông X mới biết việc bà có nợ tiền bà N.

Việc bà vay tiền của bà N là do bà đứng ra vay và không liên quan đến ông X nên bà không đồng ý việc bà N yêu cầu ông X cùng bà trả số tiền này.

Việc bà trả lãi cho bà N thì bà chỉ trả tiền mặt trực tiếp cho bà N chứ không có viết biên nhận. Hiện nay bà vẫn nợ bà N số tiền 93.000.000 đồng, nay bà đồng ý trả cho bà N số tiền 93.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi xong nợ và không đồng ý trả lãi cho bà N.

Bị đơn ông Đặng Văn Thành X mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu bà Quách Thị Ngọc H và ông Đặng Văn Thành X trả số tiền vay là 93.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Đặng Văn Thành X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị P và ông X.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào giấy biên nhận năm 2023 bà H có ký tên xác nhận còn nợ bà N số tiền 93.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/8/2023 trả tiền nhưng đến hẹn bà H không trả tiền cho bà N mặc dù bà N đã yêu cầu bà H trả tiền nhiều lần nên bà N khởi kiện. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N đã cung cấp

cho Tòa án giấy xác nhận nợ do bà H ký tên. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà H thống nhất chữ ký xác nhận còn nợ bà N số tiền 93.000.000 đồng theo biên nhận mà bà N cung cấp là do bà H ký tên và xác nhận còn nợ bà N số tiền 93.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà H còn nợ bà N số tiền 93.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 93.000.000 đồng.

[3.2] Xét việc bà N yêu cầu ông X liên đới cùng bà H trả cho bà N số tiền 93.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Phía ông X đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông X vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy ông X đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh đối với ông Nguyễn Văn Tranh, Trưởng ấp Thạnh Lạc Đông cung cấp thông tin: *"Bà Quách Thị Ngọc H và ông Đặng Văn Thành X chung sống như vợ chồng tại ấp T, xã T hơn 15 năm, về việc bà H và ông X có đăng ký kết hôn không thì ông T không biết. Trước đây ông X có xe tải chở nước đá thuê và đi bỏ mối nước đá cho hãng nước đá A, bà H ở nhà nội trợ và có đi gom tiền bỏ mối nước đá do ông X đi bỏ mối. Thời gian sau này do mắc nợ nên ông X bán xe tải và chạy xe thuê cho hãng nước đá An Bình, bà H ở nhà nội trợ không có công việc gì khác, hiện nay bà H nợ nhiều người nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, kinh tế gia đình của bà H và ông X chủ yếu do ông X đi làm (chạy xe tải thuê)"* và tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã B cung cấp thông tin: *"Bà Quách Thị Ngọc H, sinh năm 1976 và ông Đặng Văn Thành X, sinh năm 1970, cùng trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và Ủy ban nhân dân xã B"*. Phía bà N không có chứng cứ chứng minh có việc giao tiền cho ông X và không chứng minh được việc bà H vay tiền để trang trải công việc làm ăn phục vụ vào kinh tế chung của gia đình nên không có cơ sở xác định khoản nợ mà bà H nợ bà N là nợ chung giữa bà H và ông X nên không có cơ sở buộc ông X liên đới cùng bà H trả cho bà N số tiền 93.000.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Bà N yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày Tòa án xét xử vụ kiện là có cơ sở vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà N nên phải chịu lãi suất chậm trả 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên yêu cầu tính lãi suất của bà N được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, số tiền 93.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 12 tháng 22 ngày = 9.868.326 đồng nên Hội đồng xét xử buộc bà H phải trả cho bà N số tiền vốn và lãi là 102.868.326 đồng.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Bà N yêu cầu bà H trả cho bà N số tiền 102.868.326 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của bà N làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà N và việc bà H

xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng không được phía người đại diện theo ủy quyền của bà N đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà H trả cho bà N số tiền 102.868.326 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà N được Tòa án chấp nhận nên bà H phải chịu án phí theo quy định.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N.

Buộc bà Quách Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng N số tiền 102.868.326 đồng (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bà Võ Thị Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Quách Thị Ngọc H không trả số tiền trên thì hàng tháng bà H phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N yêu cầu ông Đặng Văn Thành X liên đới cùng bà Quách Thị Ngọc H trả cho bà Võ Thị Hồng N số tiền 102.868.326 đồng (Một trăm lẻ hai triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng).

Về án phí: Bà Quách Thị Ngọc H phải chịu 5.143.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 2.498.675 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009532 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, do vậy bà N được hoàn lại 2.198.675 đồng.

Báo đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân